

Bản án số: 440/2025/HS-PT
Ngày: 13-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán nhân dân: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Vũ Ngọc Huynh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Châu Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025.

Do bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị L; sinh ngày 03 tháng 5 năm 1993, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị H; chung sống như vợ chồng với Lữ Hoàng A; có 02 người con lớn sinh năm 2017 nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 12-12-2023; có mặt.

Ngoài ra còn có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến việc xem xét kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L bắt đầu cho vay đáo hạn ngân hàng từ tháng 9/2020. Thời gian đầu, L sử dụng tiền vốn tự có để cho vay từ 03-05 ngày, số tiền cho vay từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Do có quen biết với Phạm Lê N, Phạm Lê T, Trần Thị N1 nên L vay tiền của những người này để cho vay đáo hạn ngân hàng và hưởng chênh lệch lãi suất; kinh doanh bất động sản và mua bán gạo. Thời gian đầu, L trả tiền gốc và tiền lãi đúng thời hạn, số tiền vay ngày càng tăng dần. Sau đó, do việc kinh doanh thua lỗ, không còn cho vay đáo hạn ngân hàng, đến tháng 6/2021, L còn nợ tiền nhiều người, không có khả năng trả. L nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối về việc có khách đáo hạn ngân hàng, để vay tiền của nhiều người, chiếm đoạt sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt của 07 bị hại, với tổng số tiền: 149.096.619.979 đồng. Do không còn vay được tiền để trả nợ nên các bị hại yêu cầu ký các hợp đồng xác nhận nợ, sau đó L bỏ trốn khỏi địa phương. Cụ thể L chiếm đoạt của 07 bị hại sau:

1. Đối với bà Phạm Lê T, sinh năm 1991, ngụ khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Nguyễn Thị L quen biết với bà Phạm Lê T từ tháng 3/2020. L nói với T đang làm đáo hạn ngân hàng, đưa ra mức lãi suất thỏa thuận miệng 0,5%/ngày, T đồng ý cho L vay tiền. Thời gian đầu, chủ yếu giao dịch bằng tiền mặt, L trả tiền lãi và tiền gốc như thỏa thuận. Đến tháng 6/2021, L không còn làm đáo hạn ngân hàng, kinh doanh thua lỗ, nợ tiền nhiều người (trong đó có bà T) nhưng vẫn nói dối với bà T đang làm đáo hạn ngân hàng để vay tiền, trả nợ. L tạo ra nhóm zalo, gồm có 04 tài khoản, trong đó T sử dụng 02 tài khoản, còn lại 02 tài khoản của L, tên “2 Thúy” và “Nguyễn L”. Tài khoản “2 T1” là do L tạo với tư cách là cán bộ ngân hàng để củng cố lòng tin của T, đồng thời, L tự T2 các hợp

đồng đáo hạn, sau đó gửi cho T, để hỏi vay tiền. Thương tin tưởng nên đồng ý cho L vay tiền nhiều lần thông qua chuyển khoản và tiền mặt. Từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022, T đã cho L vay tổng cộng: 421.980.299.969 đồng. L chiếm đoạt, sử dụng trả nợ cá nhân. L đã chuyển khoản trả cho T 382.673.879.990 đồng để che giấu việc L mất khả năng thanh toán. Còn chiếm đoạt của T 39.306.419.979 đồng.

2. Đối với bà Phạm Lê N, sinh năm 1978, ngụ khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh

Nguyễn Thị L quen biết và vay tiền của Phạm Lê N để đáo hạn ngân hàng từ tháng 8/2020, lãi suất thỏa thuận miệng 0,5%/ngày. Quá trình vay tiền, L trả tiền gốc và tiền lãi cho N đầy đủ. Đến tháng 6/2021, do cần tiền trả nợ, L nói dối với N như có khách đáo hạn ngân hàng và tự tạo các hợp đồng đáo hạn, chụp hình gửi cho N. N như tin tưởng nên đồng ý cho L vay tiền nhiều lần thông qua chuyển khoản vào các tài khoản của L, tài khoản của Lữ Hoàng A (A là người chung sống như vợ chồng với L) và trực tiếp đưa tiền mặt cho L. L sử dụng tiêu xài cá nhân, trả các khoản nợ vay trước đó, bao gồm khoản vay của bà N. Đến tháng 6/2022, do L trả nợ không đúng thời hạn và tổng số tiền vay lớn nên N yêu cầu L ký hợp đồng vay để chốt nợ với số tiền 32.500.000.000 đồng, trong đó có 30.000.000.000 đồng là tiền gốc. Sau khi ký hợp đồng vay, L bỏ trốn, đến nay còn chiếm đoạt của bà N 30.000.000.000 đồng.

3. Đối với bà Trần Thị N1, sinh năm 1977, ngụ Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh

Nguyễn Thị L quen biết với bà Trần Thị N1 từ năm 2021 thông qua Phạm Lê N. Từ tháng 01/2021, L bắt đầu vay mượn tiền của bà N1 để làm đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng. Thời gian đầu, L sử dụng đúng mục đích vay, trả gốc lãi đúng hạn. Đến tháng 6/2021, do cần tiền trả nợ, L nói dối với bà N1 cần tiền làm đáo hạn ngân hàng, để vay tiền của bà N1 nhiều lần. Đến tháng 6/2022, tổng tiền bà N1 chuyển khoản cho L vay: 368.284.199.851 đồng. Trong quá trình vay tiền, do số tiền L vay lớn nên bà N1 yêu cầu L chuyển nhượng quyền sử dụng đất của L để trừ nợ thì L đồng ý. L đã chuyển nhượng cho bà N1 05 phần đất và 01 căn hộ để trừ bớt nợ nhằm che giấu việc mất khả năng trả nợ của mình và để bà N1 tin tưởng, tiếp tục cho L vay tiền.

Đồng thời, L chuyển khoản trả cho bà N1 322.493.599.984 đồng. Đến ngày 22/6/2022, khi L không trả tiền vay đúng hạn, bà N1 yêu cầu L ký hợp đồng vay, chốt số tiền còn nợ 29.500.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, L bỏ trốn, không trả tiền cho bà N1.

4. Đối với ông Nguyễn Phú T3, sinh năm 1985, ngụ ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2020, Nguyễn Thị L làm cùng công ty với vợ của ông Nguyễn Phú T3 (là bà Trần Thị Hồng N2) nên quen biết với nhau. Để có tiền trả nợ, L nói dối cần vốn để kinh doanh bất động sản, hỏi vay tiền của ông T3, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng thì T3 đồng ý. Từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022, T3 cho L vay tiền nhiều lần, tổng cộng: 53.206.710.000 đồng, thông qua chuyển khoản và tiền mặt. Quá trình vay tiền, L trả cho T3 nhiều lần, số tiền: 13.910.100.000 đồng. Còn chiếm đoạt: 39.296.610.000 đồng.

5. Đối với bà Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1984, ngụ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Nguyễn Thị L và bà Huỳnh Ngọc B là họ hàng với nhau. Tháng 5/2022, để có tiền trả nợ, L nói dối vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Bà B tin tưởng, đồng ý cho L vay. Thời gian đầu, L trả tiền gốc và tiền lãi đúng hạn. Đến tháng 7/2022, tổng số tiền L đã vay của bà B là 10.300.000.000 đồng. Để duy trì sự tin tưởng của bà B, quá trình vay tiền, L chuyển khoản trả tiền cho bà B số tiền 1.206.410.000 đồng, còn chiếm đoạt số tiền: 9.093.590.000 đồng.

6. Đối với ông Ngô Bảo Q, sinh năm 1987, ngụ khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Nguyễn Thị L quen biết ông Ngô Bảo Q từ năm 2020. Ngày 30/5/2022, L nói dối cần tiền để làm đáo hạn ngân hàng, hỏi vay tiền của ông Q, thỏa thuận lãi suất 0,3%/ngày, thời hạn vay từ 3-5 ngày sẽ trả lãi và gốc. Ông Q tin tưởng, đồng ý cho L vay 700.000.000 đồng. Từ ngày 01/6/2022 đến 12/6/2022, L trả cho ông Q: 27.300.000 đồng tiền lãi. Sau đó, tiếp tục nói dối với ông Q có hồ sơ đáo hạn, hỏi vay 300.000.000 đồng thì ông Q tin tưởng, đồng ý cho L vay. L chiếm đoạt của ông Q: 1.000.000.000 đồng, sử dụng trả nợ hết.

7. Đối với bà Đặng Thị T4, sinh năm 1976, ngụ khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh

Ngày 07/6/2022 và ngày 08/6/2022, Nguyễn Thị L nói dối với Đặng Thị Thanh C tiền để đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 0,2%/ngày, hẹn khi đáo hạn xong sẽ trả lại tiền. Bà T4 tin tưởng, đồng ý cho L vay, tổng cộng: 900.000.000 đồng. Thực tế, L không đáo hạn ngân hàng mà chiếm đoạt tiền của bà T4, sử dụng trả nợ cá nhân.

Sau khi chiếm đoạt tiền của các bị hại, Nguyễn Thị L đã trả cho ông Ngô Bảo Q 43.500.000 đồng; tác động gia đình bồi thường cho Nguyễn Phú T3 số tiền 1.080.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.123.500.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-P3 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án sơ thẩm hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.
3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L tù Chung thân; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12-12-2023.
4. Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho 07 người bị hại sau đây:

- 4.1. Bà Phạm Lê Thương S1 tiền 39.306.419.979 đồng.
- 4.2. Bà Phạm Lê N số tiền 30.000.000.000 đồng.
- 4.3. Bà Trần Thị N1 số tiền 29.500.000.000 đồng.
- 4.4. Ông Nguyễn Phú T3 số tiền 38.216.610.000 đồng.

4.5. Bà Huỳnh Ngọc B số tiền 9.093.590.000 đồng.

4.6. Ông Ngô Bảo Q số tiền 956.500.000 đồng.

4.7. Bà Đặng Thị T4 số tiền 900.000.000 đồng.

5. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax, số máy MLL93VN/A, số seri YG4L6DDHPW, màu xanh.

Tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04256 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/4/2020 cho ông Dương Văn T5, sinh năm 1991, đối với thửa đất số 718, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.025,7 m² tại xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh (Kèm theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/6/2022 giữa Dương Văn T5 và Lữ Hoàng Á, số công chứng 7177 tại Văn phòng C1) để bảo đảm thi hành án.

6. Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định kháng nghị một phần bản án *hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh* về việc miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo. Tuy nhiên việc quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị L là không có căn cứ. Nhận thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh đối với số tiền án phí nêu trên là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh làm trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bản án sơ thẩm sau khi tuyên án không bị kháng cáo, kháng nghị về phần tội danh, hình phạt, trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng và án phí hình sự đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với việc miễn án phí dân sự sơ thẩm giá gạch, với lý do bị cáo không còn tài sản để thi hành án, hoàn cảnh gia đình khó khăn của Tòa án cấp sơ thẩm bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ – VKS – P3 ngày 23/9/2024.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 255.973.120 đồng đối với nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại là: 147.973.119.979 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận không thuộc trường hợp hộ cận nghèo, hộ nghèo; không phải người khuyết tật; không phải là người có công với cách mạng; không phải là thân nhân liệt sỹ được cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ như nội dung kháng nghị đã nêu.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ – VKS – P3 ngày 23/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ-VKS-P3 ngày 23/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HSST ngày 10/9/2024 về phần án phí sơ thẩm dân sự trong vụ án hình sự.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 255.973.120 đồng (hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bảy ba nghìn một trăm hai mươi đồng).

[2.2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Không ai phải nộp

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THA DS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- Trại tạm giam công an tỉnh Tây Ninh (1)
- Bị cáo (1)
- Trại tạm giam công an tỉnh Bình Phước (2)
- Lưu VP (5), HS (2). NCA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn